

Số: 10 /2020/QĐ-UBND

Hòa Bình, ngày 16 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định về hoạt động đo đạc và bản đồ, sử dụng sản phẩm  
đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Hòa Bình**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đo đạc và bản đồ ngày 14 tháng 6 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bản đồ địa chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 68/2015/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật đo đạc trực tiếp địa hình phục vụ thành lập bản đồ địa hình và cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1:500, 1:1000, 1:2000, 1:5000;*

*Căn cứ Thông tư số 49/2016/TT-BTNMT ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về công tác giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm trong lĩnh vực quản lý đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 24/2018/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ;*

*Căn cứ Thông tư số 19/2019/TT-BTNMT ngày 08 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về nội dung và ký hiệu bản đồ địa hình quốc gia tỉ lệ 1:2.000, 1:5.000;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 256/TTr-STNMT ngày 07 tháng 5 năm 2020.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về hoạt động đo đạc và bản đồ, sử dụng dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020 và thay thế Quyết định số 02/2018/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định về quản lý hoạt động đo đạc, bản đồ trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Hòa Bình;
- Công báo tỉnh;
- Chánh, các Phó Chánh VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, NNTN (K).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Bùi Văn Khánh**

**QUY ĐỊNH**

**Quy định về hoạt động đo đạc và bản đồ, sử dụng sản phẩm  
đo đạc, bản đồ trên địa bàn tỉnh Hòa Bình**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 10 /2020/QĐ-UBND  
ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)*

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Quy định này quy định về hoạt động đo đạc và bản đồ; sử dụng dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

2. Quy định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đo đạc và bản đồ, khai thác sử dụng thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc, bản đồ thuộc địa bàn tỉnh Hòa Bình; các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài sử dụng các sản phẩm đo đạc và bản đồ làm tài liệu, hồ sơ khi giải quyết các thủ tục hành chính.

3. Quy định này không áp dụng đối với các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân hoạt động đo đạc, bản đồ nhằm mục đích phục vụ quốc phòng - an ninh trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Bản đồ hiện trạng* là bản đồ chuyên đề, phản ánh hiện trạng sử dụng đất tại thời điểm đo đạc, thể hiện cả nội dung địa chính và các yếu tố địa hình.

Bản đồ hiện trạng nhằm phục vụ cho các mục đích: cấp chỉ giới quy hoạch, lập quy hoạch tổng mặt bằng, quy hoạch đô thị và nông thôn, cung cấp thông tin quy hoạch, công tác giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và công nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh khi thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất (trong trường hợp bản đồ hiện trạng phục vụ công tác lập quy hoạch mà bản đồ không phù hợp với hiện trạng tại thời điểm lập quy hoạch thì phải thực hiện đối soát, đo vẽ bổ sung). Trường hợp chủ đầu tư không sử dụng bản đồ hiện trạng thì có thể lựa chọn việc lập bản đồ địa hình và bản đồ địa chính để phục vụ cho dự án theo các quy định hiện hành.

**2. Đặt tên mảnh bản đồ trích đo**

a) *Mảnh trích đo địa chính* được thực hiện đối với khu vực chưa có bản đồ địa chính chính quy.

b) *Chỉnh lý bản đồ địa chính* trong các trường hợp quy định tại Điều 1.1 Khoản 1 Điều 17 Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014.

c) *Đo vẽ bổ sung bản đồ địa chính* trong trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 17 Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014.

d) *Đo vẽ lại bản đồ địa chính* trong trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 17 Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014.

### **Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân**

#### **1. Quyền của các tổ chức, cá nhân**

a) Tổ chức, cá nhân được thực hiện hoạt động đo đạc, bản đồ theo quy định của pháp luật trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

b) Mọi tổ chức, cá nhân có quyền sử dụng các sản phẩm đo đạc, bản đồ theo quy định của pháp luật và Quy định này.

c) Khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ tiên tiến vào lĩnh vực đo đạc, bản đồ trong phạm vi pháp luật cho phép.

#### **2. Nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân**

a) Tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ giữ gìn, bảo vệ các công trình, sản phẩm đo đạc, bản đồ theo quy định của pháp luật và Quy định này.

b) Tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ trả phí kiểm tra và xác nhận bản đồ hoặc lệ phí khi khai thác sử dụng sản phẩm đo đạc, bản đồ (nếu có) theo quy định của pháp luật.

c) Nghiêm cấm các hoạt động đo đạc, bản đồ có nguy cơ làm ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

## **Chương II**

### **QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ, SỬ DỤNG DỮ LIỆU, SẢN PHẨM ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ**

#### **Điều 4. Quản lý nhà nước về hoạt động đo đạc và bản đồ, sử dụng sản phẩm đo đạc và bản đồ**

1. Tổ chức phải có Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ, cá nhân phải có chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ do cấp có thẩm quyền cấp và đang còn hiệu lực mới được thực hiện công tác đo đạc, lập hoặc chỉnh lý, hiện chỉnh sản phẩm đo đạc và bản đồ, xuất bản bản đồ trên địa bàn tỉnh Hòa Bình theo đúng quy định của nhà nước.

2. Các sản phẩm đo đạc và bản đồ trước khi đưa vào sử dụng làm tài liệu, hồ sơ quản lý nhà nước phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra và xác nhận đủ điều kiện đưa vào khai thác, sử dụng theo quy định.

3. Bản đồ phải ghi rõ cơ sở pháp lý, cơ sở toán học, nguồn gốc xuất xứ,

được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác nhận mới được lưu hành sử dụng. Nếu bản đồ xuất bản yêu cầu phải có giấy phép thì phải thực hiện xin phép xuất bản theo quy định của Luật Xuất bản. Các loại bản đồ không có giấy phép xuất bản hoặc chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận thì không được sử dụng để giải quyết những công việc mang tính pháp lý, không được treo tại nơi công cộng, cơ quan công sở.

## **Điều 5. Đo đạc và thành lập các loại bản đồ**

### **1. Cơ sở toán học**

a) Bản đồ được lập ở các tỷ lệ 1:200, 1:500, 1:1000, 1:2000, 1:5000 và 1:10000 trên mặt phẳng chiếu hình, ở múi chiếu 3 độ, kinh tuyến trục 106 độ (tỉnh Hòa Bình), hệ quy chiếu và hệ tọa độ quốc gia VN-2000 và hệ độ cao quốc gia hiện hành.

b) Lưới tọa độ vuông góc trên bản đồ địa chính được thiết lập với khoảng cách 10 cm trên mảnh bản đồ địa chính tạo thành các giao điểm, được thể hiện bằng các dấu chữ thập (+).

c) Thông số hệ quy chiếu và hệ tọa độ

Thông số hệ quy chiếu và hệ tọa độ để lập bản đồ địa chính thực hiện theo quy định tại Thông tư số 973/2001/TT-TCĐC ngày 20/6/2001 của Tổng cục Địa chính hướng dẫn áp dụng hệ quy chiếu và hệ tọa độ quốc gia VN-2000.

### **2. Tỷ lệ bản đồ**

a) Việc lựa chọn tỷ lệ bản đồ địa hình, bản đồ hiện trạng, bản đồ chuyên đề căn cứ theo yêu công việc cụ thể.

b) Trích lục, trích đo bản đồ địa chính:

- Trích lục bản đồ địa chính (BĐĐC): tỷ lệ của bản trích lục bản đồ địa chính bằng đúng tỷ lệ của BĐĐC đang quản lý, sử dụng; trường hợp cần thiết thì có thể biên tập ở tỷ lệ lớn hơn hoặc nhỏ hơn của BĐĐC nhưng phải đảm bảo theo các tỷ lệ 1:200, 1:500, 1:1.000, 1:2.000, 1:5.000 và 1:1.0000.

- Trích đo địa chính:

+ Khu vực đất phi nông nghiệp: tỷ lệ 1:500 đối với đất đô thị; tỷ lệ 1:1.000, 1:2.000 đối với các khu vực khác.

+ Khu vực đất Nông nghiệp: tỷ lệ 1:1.000.

+ Khu vực đất lâm nghiệp: tỷ lệ 1:5.000 và 1:10.000.

c) Chia mảnh bản đồ được lập theo khổ A3, A2, A1, A0. Việc lựa chọn khổ giấy sao cho các góc khung có giá trị tọa độ chẵn và trong một dự án chỉ có một loại khổ giấy.

### **3. Nội dung bản đồ**

a) Đo đạc, thành lập và biên tập nội dung bản đồ địa hình, bản đồ nền địa lý, bản đồ địa chính và các loại bản đồ chuyên đề thực hiện theo các quy định

hiện hành của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ, Cơ quan chuyên ngành.

b) Đo đạc thành lập, biên tập bản đồ trích đo địa chính

Nội dung trình bày bản đồ đối với các sản phẩm trích đo địa chính, đo đạc chỉnh lý, bổ sung, đo vẽ lại bản đồ địa chính theo quy định hiện hành của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Chủ sử dụng đất (hoặc chủ đầu tư), địa điểm, ranh giới các thửa đất, loại đất; các chỉ giới về quy hoạch; ranh giới sử dụng đất theo các quyết định giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).

Đối với trường hợp đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính để phục vụ đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; bồi thường, giải phóng mặt bằng; đấu giá quyền sử dụng đất và mục đích quản lý đất đai khác thì phải đo vẽ trọn thửa căn chỉnh lý để thực hiện cập nhật, chỉnh lý hồ sơ, bản đồ địa chính.

c) Bản đồ hiện trạng nhằm phục vụ cho các mục đích: Xin cấp chỉ giới quy hoạch, lập quy hoạch tổng mặt bằng, quy hoạch khu vực đô thị, khu vực phát triển đô thị, khu chức năng đặc thù, khu vực cần lập quy hoạch phân khu và quy hoạch xây dựng nông thôn được sử dụng bản đồ cơ sở nền địa lý, bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ lớn bao gồm 1:2.000, 1:5.000 và 1:10.000 do Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp. Trường hợp bản đồ cần lập ở tỷ lệ lớn hơn hoặc nhỏ hơn thì đo đạc bổ sung hoặc biên tập tổng quát hóa trên bản đồ cơ sở nền địa lý, bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:2.000, 1:5.000 và 1:10.000.

Quy trình, nội dung đo đạc, thành lập, biên tập bản đồ hiện trạng theo quy định về thành lập bản đồ địa hình, bản đồ nền địa lý và bản đồ địa chính. Để đảm bảo cho việc khớp nối hạ tầng kỹ thuật của dự án với khu vực xung quanh dự án, phạm vi đo vẽ phải rộng hơn so với ranh giới khu đất cần nghiên cứu tối thiểu 20m. Đối với các tuyến điện cao thế, trục đường giao thông phải đo rộng hơn so với ranh giới nghiên cứu ít nhất là 30m. Dáng đất được thể hiện trên bản đồ bằng điểm ghi chú độ cao thì mật độ phân bố đều không dưới 10 điểm/1 dm<sup>2</sup> trên bản đồ.

d) Biên tập bản đồ:

Ký hiệu và phân lớp được quy định tại các quy định ký hiệu bản đồ hiện hành; các ký hiệu cho công trình ngầm chưa được quy định cụ thể cần ghi chú rõ trên bản đồ, các lớp đối tượng công trình ngầm chưa có quy định cụ thể cần được phân lớp theo nhóm đối tượng có cùng tính chất, công dụng.

## **Điều 6. Kiểm tra về chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ**

1. Các sản phẩm đo đạc và bản đồ sản xuất trong tỉnh hoặc nhập khẩu đều phải chịu sự kiểm tra nhà nước về chất lượng, bao gồm cả các sản phẩm đo đạc và bản đồ đã được đánh giá chất lượng bởi các tổ chức đánh giá sự phù hợp hoặc đã được áp dụng các biện pháp quản lý chất lượng khác theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

2. Việc kiểm tra nhà nước về sản phẩm đo đạc và bản đồ được thực hiện theo Quy định này hoặc đột xuất khi có yêu cầu của cơ quan quản lý chuyên ngành hoặc có khiếu nại, tố cáo, cảnh báo về chất lượng sản phẩm.

### 3. Nội dung kiểm tra về chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ

#### a) Trường hợp thuộc thẩm quyền của Sở Tài nguyên và Môi trường:

Quy trình, nội dung kiểm tra về chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ được thực hiện theo các quy định hiện hành của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Nội dung cơ bản gồm:

- Cơ sở toán học khi lập bản đồ;
- Phương pháp thành lập bản đồ;
- Đối soát dáng đất địa hình, địa vật giữa bản đồ và thực địa;
- Diện tích và tiếp biên với ranh giới các thửa đất các dự án liền kề; chỉ giới về quy hoạch; ranh giới sử dụng đất theo các quyết định giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).

#### b) Trường hợp thuộc thẩm quyền của Văn phòng Đăng ký đất đai

Quy trình, nội dung kiểm tra về chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ được thực hiện theo các quy định hiện hành của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

### **Điều 7. Kiểm tra và xác nhận bản đồ**

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra và xác nhận các sản phẩm bản đồ sử dụng làm tài liệu, hồ sơ phục vụ giải quyết các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định, gồm:

- Bản đồ địa hình, bản đồ hiện trạng các tỷ lệ nhằm phục vụ cho các mục đích: Xin cấp chỉ giới quy hoạch, lập quy hoạch tổng mặt bằng, quy hoạch khu vực đô thị, khu vực phát triển đô thị, khu chức năng đặc thù, khu vực cần lập quy hoạch phân khu và quy hoạch xây dựng nông thôn; công trình ngầm đô thị; cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải; thăm dò, khai thác khoáng sản, tài nguyên và môi trường; quy hoạch nông nghiệp, lâm nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Bản đồ địa chính, trích đo, trích lục địa chính phục vụ công tác thu hồi đất, giải phóng mặt bằng, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; bản đồ phục vụ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với tổ chức, đối với hộ gia đình cá nhân thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp để sử dụng vào mục đích thương mại, dịch vụ với diện tích từ 0,5 héc ta trở lên;
- Bản đồ chuyên đề.

2. Văn phòng Đăng ký đất đai kiểm tra và xác nhận các sản phẩm bản đồ sử dụng làm tài liệu, hồ sơ phục vụ giải quyết các thủ tục hành chính gồm: Bản đồ trích đo địa chính thửa đất do Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai để phục vụ đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận đơn lẻ, thường xuyên hàng năm thì phải có chữ ký của người thực hiện đo đạc, người kiểm tra và ký duyệt của Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT (sửa đổi Điều 7.1 Khoản 7 Điều 22 Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT); bản đồ phục vụ thuê đất,

chuyển mục đích sử dụng đất đối với đối với hộ gia đình cá nhân xin chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp để sử dụng vào mục đích thương mại, dịch vụ với diện tích dưới 0,5 héc ta.

### **Điều 8. Giao nộp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ**

1. Thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ bản đồ được thành lập theo quy định này được giao nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường để cập nhật, lưu trữ và các cơ quan khác theo quy định của pháp luật liên quan, thiết kế kỹ thuật - dự toán được phê duyệt.

2. Giao nộp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ

a) Thiết kế kỹ thuật - dự toán, hồ sơ nghiệm thu công trình cấp chủ đầu tư dạng giấy và tệp dữ liệu \*.pdf.

b) Sơ đồ lưới, ghi chú điểm, số đo; thành quả tính toán bình sai dạng tệp dữ liệu giấy và \*.pdf;

c) Bản đồ và các biểu, bảng kèm theo dạng giấy và dạng file số;

3. Trình tự giao nộp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ

a) Sản phẩm giao nộp phải được thủ trưởng cơ quan chủ đầu tư, thủ trưởng đơn vị thi công, đơn vị kiểm định chất lượng và các cấp có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật liên quan ký tên, đóng dấu xác nhận;

b) Tổ chức có trách nhiệm giao nộp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ thông báo bằng văn bản về việc giao nộp cho cơ quan có trách nhiệm tiếp nhận. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo, cơ quan tiếp nhận có trách nhiệm tổ chức việc giao nhận và tạo điều kiện thuận lợi về địa điểm, phương thức giao nhận.

c) Việc giao nhận thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ được lập thành biên bản giao nộp để làm căn cứ quyết toán các công trình, dự án đo đạc và bản đồ.

### **Điều 9. Cung cấp, khai thác, sử dụng thông tin tư liệu đo đạc và bản đồ**

1. Việc cung cấp, khai thác, sử dụng thông tin tư liệu đo đạc và bản đồ thực hiện theo quy định tại Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Hòa Bình ban hành kèm theo Quyết định số 52/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình.

2. Thông tin, dữ liệu đo đạc bản đồ không thuộc phạm vi bí mật Nhà nước được cung cấp cho cơ quan, tổ chức, cá nhân theo nhu cầu sử dụng.

3. Việc cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi bí mật Nhà nước độ Mật cho cơ quan, tổ chức, công dân Việt Nam do Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt.

4. Thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi bí mật Nhà nước độ Tối mật chỉ được cung cấp khi có yêu cầu bằng văn bản của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân

tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, người đứng đầu cơ quan của Quốc hội, người đứng đầu cơ quan của Trung ương Đảng, người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội.

5. Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường là đơn vị được giao cung cấp thông tin tư liệu đo đạc và bản đồ theo quy định của pháp luật.

### **Chương III** **QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ**

#### **Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý Nhà nước**

##### **1. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường**

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản, quy định, quản lý hoạt động đo đạc, bản đồ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Chủ trì rà soát, xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt bộ đơn giá hoặc điều chỉnh, bổ sung bộ đơn giá đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Hòa Bình theo quy định;

c) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch dài hạn, kế hoạch hàng năm, dự án về đo đạc, bản đồ của ngành và địa phương, đảm bảo không chồng chéo với kế hoạch, dự án của cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc, bản đồ của các Bộ, ngành khác;

d) Tổ chức, quản lý việc triển khai các hoạt động đo đạc, bản đồ theo quy hoạch, kế hoạch; quản lý hệ thống tư liệu đo đạc, bản đồ trên toàn tỉnh; quản lý việc bảo mật, lưu trữ, cung cấp khai thác sử dụng thông tin tư liệu đo đạc, bản đồ; quản lý việc bảo vệ các công trình xây dựng đo đạc, bản đồ theo quy định;

đ) Tham gia ý kiến góp ý về dự thảo thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án thi công các dự án, công trình đo đạc và bản đồ;

e) Kiểm tra, xác nhận bản đồ theo quy định tại Điều 7 của Quy định này;

g) Thẩm định hồ sơ và đề nghị Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp mới, cấp bổ sung hoặc thu hồi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ cho các tổ chức; kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về đo đạc và bản đồ của các tổ chức và cá nhân theo quy định;

h) Quản lý và tổ chức thực hiện việc xây dựng, cập nhật, khai thác hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật đo đạc và bản đồ; cập nhật, lưu trữ, công bố và cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh và các thông tin, dữ liệu đo đạc, bản đồ do Bộ Tài nguyên và Môi trường bàn giao;

i) Theo dõi việc xuất bản, phát hành bản đồ và kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đình chỉ phát hành, thu hồi các ấn phẩm bản đồ có sai sót về địa giới hành chính, địa danh thuộc tỉnh Hòa Bình; ấn phẩm bản đồ có sai sót về kỹ thuật;

k) Phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan có liên quan trong việc xây dựng và quản lý bản đồ, hồ sơ địa giới hành chính, giải quyết tranh chấp về địa giới hành chính các cấp;

l) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện xác định ranh giới, mốc giới sử dụng đất trên bản đồ, cắm mốc và bàn giao mốc ngoài thực địa cho các tổ chức, cá nhân được thực hiện các dự án đầu tư xây dựng có sử dụng đất; cắm mốc giới và bàn giao đất cho các tổ chức, cá nhân được nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật; chủ trì tổ chức sản xuất, gia công mốc giới và mặt mốc giới, thực hiện quản lý quy chuẩn mốc giới trên địa bàn tỉnh;

m) Chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức trực tiếp bảo vệ công trình hạ tầng đo đạc tuyên truyền, phổ biến quy định của pháp luật có liên quan đến bảo vệ công trình hạ tầng đo đạc; công bố công khai mốc giới, ranh giới hành lang bảo vệ công trình hạ tầng đo đạc; kịp thời xử lý những trường hợp lấn, chiếm, sử dụng trái phép hành lang bảo vệ công trình hạ tầng đo đạc; đề xuất việc di dời mốc đo đạc trên diện tích đất đã giao cho cơ quan, tổ chức thực hiện theo quy định tại khoản 4, 5 Điều 17 Nghị định số 27/2019/NĐ-CP.

n) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh hàng năm báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường về hoạt động đo đạc, bản đồ thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định;

o) Hướng dẫn hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Hòa Bình theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo và giao Phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện:

a) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện tốt công tác quản lý và triển khai hoạt động đo đạc và bản đồ tại địa phương theo quy định;

b) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng kế hoạch dài hạn, kế hoạch hàng năm, dự án về đo đạc và bản đồ của địa phương, đảm bảo phù hợp với kế hoạch, dự án của Ủy ban nhân dân tỉnh và triển khai thực hiện sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

c) Hàng năm báo cáo về hoạt động đo đạc và bản đồ, tình trạng công trình hạ tầng đo đạc gửi Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Tổ chức tuyên truyền và giáo dục mọi công dân có ý thức chấp hành các quy định của pháp luật về đo đạc và bản đồ;

b) Ngăn chặn, xử lý theo thẩm quyền đối với các trường hợp vi phạm các quy định của pháp luật về hoạt động đo đạc, bản đồ và bảo vệ các công trình xây dựng đo đạc bản đồ tại địa phương;

c) Hàng năm báo cáo về tình trạng công trình hạ tầng đo đạc gửi phòng Tài nguyên và Môi trường theo quy định;

d) Phối hợp với các ngành để tiếp nhận, quản lý hệ thống bản đồ, hồ sơ địa giới hành chính, mốc quy hoạch xây dựng, giao thông theo quy định.

5. Văn phòng Đăng ký đất đai, Trung tâm công nghệ thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức lưu trữ, quản lý, khai thác, cập nhật và sử dụng dữ liệu về đo đạc và bản đồ theo quy định.

### **Điều 11. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân**

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về đo đạc và bản đồ và pháp luật khác có liên quan khi tham gia hoạt động đo đạc và bản đồ.

2. Chủ đầu tư và đơn vị thi công công trình đo đạc và bản đồ có trách nhiệm lập hồ sơ và bàn giao công trình hạ tầng đo đạc cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đặt công trình theo quy định.

3. Các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm giữ gìn, bảo vệ các công trình hạ tầng đo đạc theo quy định của pháp luật.

4. Không được cản trở hoặc gây khó khăn cho người có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ về đo đạc và bản đồ.

5. Đề xuất và kiến nghị với cơ quan quản lý nhà nước về xuất bản định chỉ phát hành hoặc thu hồi: Các ấn phẩm bản đồ có sai sót về việc thể hiện địa giới hành chính, địa danh; sản phẩm bản đồ có sai sót nghiêm trọng về kỹ thuật; sản phẩm bản đồ có nội dung thuộc phạm vi nghiêm cấm theo quy định của Luật Xuất bản.

## **Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 12. Hướng dẫn thi hành**

Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan đầu mối kiểm tra, hướng dẫn thực hiện Quy định này, phối hợp với các ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức thi hành Quy định này trên địa bàn tỉnh Hòa Bình. /

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Bùi Văn Khánh**

